

Số: 15 /2013/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

ĐẾN

Số:.....29.2.....

Ngày: 25.2.2013.

Tỷ lệ: PTGD; Cao Đẳng; T. SDD;  
Cấp CN tại Phòng; TK; VP.**QUYẾT ĐỊNH****Về tín dụng đối với hộ cận nghèo**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay hộ cận nghèo đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, nhằm góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

2. Chuẩn hộ cận nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

**Điều 2. Mức cho vay**

Mức cho vay đối với hộ cận nghèo do Ngân hàng Chính sách xã hội và hộ cận nghèo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức cho vay tối đa phục vụ sản xuất kinh doanh áp dụng đối với hộ nghèo trong từng thời kỳ.

**Điều 3. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay bằng 130% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**Điều 4. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và hộ cận nghèo vay vốn thỏa thuận phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

**Điều 5. Điều kiện, hồ sơ và thủ tục cho vay**

1. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục và quy trình cho vay đối với hộ cận nghèo được thực hiện như đối với cho vay hộ nghèo.

2. Rủi ro đối với các khoản nợ của hộ cận nghèo được thực hiện theo cơ chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội.

## **Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị có liên quan**

### **1. Ngân hàng Chính sách xã hội:**

a) Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm để cho vay các chương trình tín dụng chính sách, trong đó có cho vay đối với hộ cận nghèo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Định kỳ ngày 15 hàng tháng, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính về kết quả thực hiện chính sách cho vay đối với hộ cận nghèo.

### **2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:**

a) Chi đạo Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

### **3. Bộ Tài chính:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ về nguồn vốn từ ngân sách trung ương dành cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay các chương trình tín dụng chính sách, trong đó có chương trình cho vay đối với hộ cận nghèo theo quy định.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

### **4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:**

a) Công bố số hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở để triển khai, thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

b) Quy định thời hạn điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng này trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách.

5. Các Bộ, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân các cấp, cùng với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện Quyết định này.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

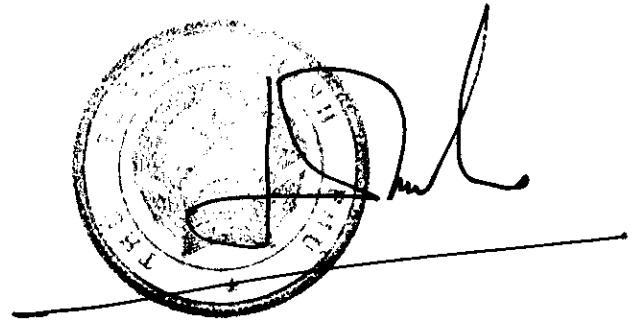
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2013.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b). M.Cường ~~30~~

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**